



PIONEER SHIPBROKERS CO., LTD.

(A MEMBER OF THE VIETNAM SHIPOWNER'S ASSOCIATION)

SHIP SALE & PURCHASE – CHARTERING

No.13, Ngan Long villas, Nguyen Huu Tho Street, Nha Be District, HCMC

Tel: 028-38817289

www.pioneershipbrokers.com.vn

Nhằm phục vụ nhu cầu của khách hàng và cập nhật thông tin thị trường ngày càng tốt hơn, công ty môi giới hàng hải Tiên Phong (Pioneer Shipbrokers) giới thiệu đến quý khách hàng ứng dụng **Pioneer Shipbrokers** có trên iOS và Android, công cụ hữu ích cho khách hàng quan tâm lĩnh vực mua bán tàu biển và thông tin thị trường

TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

TUẦN 51/2025

(16/12/2025 – 22/12/2025)

1. THỊ TRƯỜNG TÀU ĐÃ QUA SỬ DỤNG:

Ở mảng tàu hàng khô, trước thềm Lễ giáng sinh chỉ số BDI tiếp đà giảm, bốc hơi 304 điểm (↓13,8%) còn 1.889 điểm. Tổng quan các chỉ số thuê tàu tuần qua đồng loạt phủ sắc đỏ như sau: Capesize giảm thêm 382 điểm (↓10,2%) xuống còn 3.337 điểm. Panamax lại trải qua thêm một tuần tiêu cực, giảm thêm 378 điểm (↓22,9%) còn 1.266 điểm. Supramax cũng giảm 198 điểm (↓14,5%) còn 1.162 điểm, Handysize cũng giảm 68 điểm (↓8,5%) còn 728 điểm. Các hoạt động mua bán tàu đều chững lại, số lượng giao dịch tuần qua chỉ hơn một bản tay. Ở phân khúc Supramax, ghi nhận chủ tàu Thái Lan chốt tàu **Wariya Naree** (53.833 dwt, đóng 2011 Nhật) với giá khoảng 9,85 triệu đô la Mỹ. Mức này được xem là rẻ nhất thị trường hiện nay do cận hạn đà DD/SS 2/2026 và máy chính Wartsila. Ở phân khúc Handysize, tàu **BC Vanessa** (31.755 dwt, đóng 2010 Nhật, hầm hàng hộp, DD/SS 02/2027) được chủ tàu Hy Lạp chốt cho người mua Thổ Nhĩ Kỳ với giá khoảng 12,5 triệu đô la Mỹ. Thị trường hiện tại cũng rất hiếm dạng tàu 15 tuổi đóng Nhật bán nên giá này cũng hợp lý, phần nữa là nhờ chủ tàu Hy Lạp bảo quản tàu tốt.

Tình cảnh cũng tương tự ở mảng tàu dầu/hoá chất, thị trường cũng chững lại, các chỉ số biến động như sau: cụ thể chỉ số BDTI (Baltic Dirty Tanker Index) giảm 49 điểm (↓3,5%) còn 1.343 điểm. Ngược lại, chỉ số BCTI (Baltic Clean Tanker Index) nhích nhẹ thêm 16 điểm (↑2,1%) lên 759 điểm. Tuy vậy, giao dịch mua bán vẫn ghi nhận nhiều giao dịch mới. Ở phân khúc MR, tàu chemical **Kouros** (49.999 dwt, đóng 2008 Hàn Quốc, DD 06/2026, SS 06/2028) được chủ tàu Hy Lạp bán thành công với giá khoảng 16,5 triệu đô la Mỹ. Mức này cũng tương tự thương vụ cách đây hai tuần trước, cặp tàu chemical chị em **Seaways Olive** và **Seaways Star** (49.999 dwt, đóng 2008 Hàn Quốc, DD 03-09/2026, SS 03-08/2028) được bán enbloc với giá khoảng 16 triệu đô la Mỹ/tàu. Nhìn chung, các tàu chemical tương tự (đóng 2008 Hàn Quốc) của chủ tàu Seaways International đều được chốt quanh mức 16-16,5 triệu đô la Mỹ/tàu năm nay. Chủ tàu Đan Mạch Norden cũng vừa tạm biệt tàu chemical **Nord Superior** (49.573 dwt, đóng 2015 Hàn Quốc, đã lắp máy lọc khí (scrubber), DD 04/2027, SS 01/2030) với giá khoảng 33,75 triệu đô la Mỹ. Mức này tương tự tàu **LVM Warrior** (49.997 dwt, đóng 2015 Hàn Quốc, DD 03/2028, SS 01/2030) được bán tuần trước với giá khoảng 33,3 triệu đô la Mỹ. Sang dòng tàu J19, tàu **Om Shanghai** (19.999 dwt, đóng 2007 Nhật Bản, DD 10/2027, SS 10/2029) được bán với giá khoảng 15 triệu đô la Mỹ. Mức này kém hơn với tàu già hơn một tuổi **MTM North Sound** (19.874 dwt, đóng 2006 Nhật) được chốt với giá khoảng 15 triệu đô la Mỹ. Cũng trong tuần qua, chủ tàu Singapore chốt tàu **Ginga Kite** (19.997 dwt, đóng 2001 Nhật, DD/SS cận đà 3/2026) cho Người mua Trung Quốc với giá khoảng 6,9 triệu đô la Mỹ. Tháng 6, chủ tàu trên đã bán tàu già hơn một tuổi **Ginga Hawk** (19.998 dwt, đóng 2000 Nhật, DD/SS cận kề 11/2025) với giá y hệt. Như vậy, nhìn chung tàu J19 già có xu hướng giảm giá nhẹ.

Name	Blt Year	Blt Place	Dwt	Price M.USD	Buyers	Comment
BULKERS / GENERAL CARGO CARRIERS						
Europe	2010	Korea	179,448	30.90	Chinese	DD/SS passed
Cape Puffin	2007	China	177,814	Undisclosed	Undisclosed	Old sale, DD/SS passed
The Giver	2006	Japan	75,726	11.20	Undisclosed	DD/SS passed 03/2025, next DD 03/2028, SS 03/2030
Wariya Naree	2011	Japan	53,833	9.85	Undisclosed	DD/SS due 02/2026, Thai owners
Wigeon	2007	China	37,238	7.00	Undisclosed	Laker, DD/SS due 01/2026
Aphrodite M	2011	Korea	34,399	12.50	Undisclosed	DD/SS 10/2026, Greek owners
BC Vanessa	2010	Japan	31,755	12.50	Turkish	OHBS, DD/SS 02/2027
Zhong Kai Feng	2011	China	27,285	Undisclosed	Undisclosed	Ice class II, Chinese owners
TANKERS						
SFL Ottawa	2015	China	159,500	57.00	Undisclosed	Scrubber fitted, DD/SS passed 05/2025, next DD 05/2028, SS 03/2030
SFL Thelon	2015	China	159,500	57.00		Scrubber fitted, DD/SS passed 01/2025, next DD 01/2028, SS 01/2030
STI Gallantry	2016	China	109,999	52.30	Undisclosed	Scrubber fitted, DD/SS 06/2026
STI Goal	2016	China	109,999	52.30		Scrubber fitted, DD/SS 11/2026
Kouros	2008	Korea	49,999	16.50	Undisclosed	Deepwell, chemical IMO II, epoxy coated, DD 06/2026, SS 06/2028, Greek owners
Nord Superior	2015	Korea	49,573	33.75	Undisclosed	Scrubber fitted, chemical IMO II, epoxy phenolic coated, DD 04/2027, SS 01/2030, Danish owners
Om Singapore	2007	China	29,015	13.75	Chinese	Chemical IMO II/III, epoxy phenolic coated, ice class 1C, DD 07/2027, SS 08/2029
Om Shanghai	2007	Japan	19,999	15.00	Chinese	Chemical IMO II/III, stainless steel, DD 10/2027, SS 10/2029
Ginga Kite	2001	Japan	19,997	6.90	Chinese	Chemical IMO II/III, stainless steel, DD/SS due 03/2026, Singaporean owners

CONTAINERS						
As Clementina	2006	Korea	39,159	24.00	MSC	2824 teu, DD/SS 05/2026
Nevzat Kalkavan	2011	Turkey	26,811	17.00	MSC	1849 teu, ice class 1C, DD/SS 08/2026
Mukaddes Kalkavan	2008	Turkey	26,811	17.00		1850 teu, scrubber fitted, DD 02/2026, SS 03/2028

Bảng minh họa giá trị tàu đã qua sử dụng cập nhật theo số liệu gần nhất và so sánh với 5 năm qua (số liệu dựa trên chuẩn là tàu đóng tại Nhật:

Giá trị tàu hàng khô (đv: triệu đô la Mỹ)		% thay đổi theo (M (month) = tháng)				TB 5 năm
12/2025		1M	3M	6M	12M	

CAPE SIZE

180k dwt	Resale	78.00	0%	3%	3%	3%	61.50
180k dwt	5 tuổi	65.00	2%	6%	5%	6%	45.75
170k dwt	10 tuổi	50.0/50	1%	9%	12%	17%	32.50
150k dwt	15 tuổi	29.50	4%	11%	9%	11%	20.50

PANAMAX

82k dwt	Resale	40.00	1%	3%	4%	0%	37.00
82k dwt	5 tuổi	34.00	5%	6%	8%	-1%	30.50
76k dwt	10 tuổi	26.50	2%	6%	9%	6%	21.50
74k dwt	15 tuổi	17.00	3%	6%	11%	8%	14.25

SUPRAMAX

62k dwt	Resale	39.00	1%	3%	3%	0%	35.00
58k dwt	5 tuổi	34.00	6%	7%	11%	3%	26.50
56k dwt	10 tuổi	26.50	13%	13%	15%	12%	19.25
52k dwt	15 tuổi	15.75	0%	2%	5%	3%	13.00

HANDYSIZE

37k dwt	Resale	33.00	0%	0%	0%	-4%	29.25
37k dwt	5 tuổi	26.50	0%	0%	6%	-1%	23.00
32k dwt	10 tuổi	20.25	-1%	-1%	11%	5%	15.50
28k dwt	15 tuổi	11.75	-2%	-2%	-2%	-2%	9.75

Giá trị tàu dầu/hóa chất (đv: triệu đô la Mỹ)		% thay đổi theo (M (month) = tháng)				TB 5 năm
12/2025		1M	3M	6M	12M	

VLCC

310k dwt	Resale	148.00	0%	1%	2%	-1%	116.00
310k dwt	5 tuổi	118.00	0%	1%	3%	2%	88.75
250k dwt	10 tuổi	88.00	0%	1%	4%	2%	63.75
250k dwt	15 tuổi	59.00	0%	2%	2%	7%	45.00

SUEZMAX

160k dwt	Resale	97.50	0%	5%	4%	-1%	79.50
150k dwt	5 tuổi	80.00	0%	5%	4%	3%	61.75
150k dwt	10 tuổi	64.00	0%	5%	3%	3%	46.25
150k dwt	15 tuổi	42.00	0%	5%	2%	-9%	30.00

AFRAX

110k dwt	Resale	80.00	3%	7%	7%	-5%	66.00
110k dwt	5 tuổi	67.50	4%	8%	8%	-1%	52.25
105k dwt	10 tuổi	55.00	5%	10%	10%	4%	39.00
105k dwt	15 tuổi	36.00	3%	6%	6%	-4%	25.75

MR

52k dwt	Resale	53.00	0%	2%	6%	-4%	45.00
52k dwt	5 tuổi	43.00	0%	2%	8%	-4%	35.75
45k dwt	10 tuổi	33.00	3%	3%	10%	-6%	26.00
45k dwt	15 tuổi	19.00	14%	14%	14%	-9%	17.25

2. THỊ TRƯỜNG TÀU ĐÓNG MỚI:

Type	Size	Price (m.usd)	Qty	Yard	Owners	Delivery	Comments
LNG	174,000 cbm	255.00	8	Hanwha Ocean Korea	NYK and Ocean Yield	Late 2028-2029	Price per unit
LNG	174,000 cbm	257.00	7	Hanwha Ocean Korea	Knutsen OAS	Jul 2029	Price per unit
VLEC	9,000 cbm	46.50	1	Dalian COSCO Energy	COSCO SHI Dalian	Oct 2027	
Shuttle tankers	154,000 dwt	-	1+1	China	China Merchants Energy Shipping	FH 2028	
Tankers	110,000 dwt	70.80	2	Dalian	Scorpio Tankers	Q3 2027	Price per unit
Bulkers	184,000 dwt	Low 80.00	1	Namura, Japan	DryDel Shipping, Greece	-	
Container	6,000 teu	78.30	6	CSSC Wenchong	Wan Hai Lines, Taiwan	2030	Price per unit
Container	4,500 teu	62.50	8	CIMC Raffles	Hapag Lloyd	2028-2029	Price per unit
Container	3,7000 teu	48.75	1	Taizhou Sanfu	MPC Germany	SH 2028	10 year employment for Hapag Lloyd

Bảng minh họa giá tàu đóng mới cập nhật theo số liệu gần nhất và so sánh với 5 năm qua (số liệu dựa trên chuẩn là tàu đóng tại Nhật)

Giá trị tàu hàng khô đóng mới (đv: triệu đô la Mỹ)	% thay đổi theo (M (month) = tháng)				
	12/ 2025	1M	3M	6M	12M
Capesize (180.000 dwt)	71.5	0.00%	0.00%	0.00%	-5.92%
Panamax (77.000 dwt)	36.5	0.00%	0.00%	-1.35%	-2.01%
Supramax (61.000 dwt)	33.5	0.00%	0.00%	-1.47%	-3.60%
Handysize (37.000 dwt)	29.5	0.00%	0.00%	-1.67%	-3.28%

Giá trị tàu dầu đầu/hóa chất đóng mới (đv: triệu đô la Mỹ)	% thay đổi theo (M (month) = tháng)				
	12/ 2025	1M	3M	6M	12M
VLCC (300.000 dwt)	128.0	0.00%	0.00%	0.00%	-2.66%
Suezmax (170.000 dwt)	86.0	0.00%	0.00%	0.00%	-0.58%
A.max (115.000 dwt)	74.0	0.00%	0.00%	0.00%	-3.27%
MR (56.000 dwt)	52.0	0.00%	-0.00%	0.00%	-4.59%

3. THỊ TRƯỜNG THUÊ TÀU

3.1. Thị trường thuê tàu hàng khô:

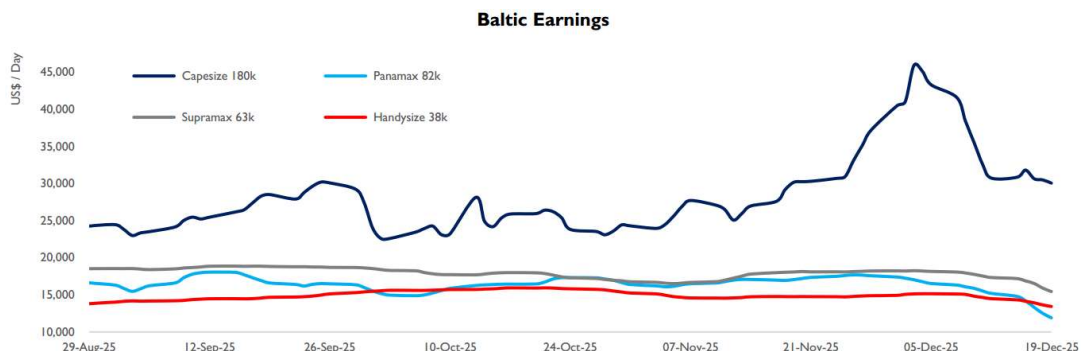
Chỉ số cước trung bình phân khúc **Supramax** tuần qua đóng cửa tuần này ở mức 15.441 đô la Mỹ, giảm 1.892 đô la Mỹ so với mức 17.333 đô la Mỹ của tuần trước. Thị trường tiếp tục chịu áp lực, tâm lý thị trường không ngừng suy yếu ở cả lưu vực Đại Tây Dương và Thái Bình Dương. Mức độ hoạt động giảm rõ rệt khi gần đến kỳ nghỉ lễ khiến các chủ tàu có rất ít cơ hội để chốt được hợp đồng. Đồng thời, lượng tàu sẵn sàng giao ngay ngày càng tăng đã gây áp lực nặng nề lên các cuộc đàm phán, dần làm xói mòn niềm tin của thị trường. Với ít dấu hiệu phục hồi nhu cầu trong ngắn hạn, các chủ tàu ngày càng buộc phải hạ thấp kỳ vọng, củng cố sắc thái thị trường thận trọng và phòng thủ khi ngành này tiến sâu hơn vào giai đoạn chậm lại mang tính mùa vụ.

Chỉ số cước trung bình phân khúc **Handies** tuần qua đóng cửa ở mức 13.432 đô la Mỹ, giảm 1.050 đô la Mỹ so với mức 14.482 đô la Mỹ của tuần trước. Thị trường đã trải qua một tuần khó khăn, khi áp lực giảm giá cước tiếp tục duy trì ở cả khu vực Đại Tây Dương và Thái Bình Dương. Tình hình tại khu vực Continent và Địa Trung Hải vẫn đặc biệt yên ắng; như cầu thuê ít ỏi và hoạt động giao dịch âm ỉ đã khiến mức cước nhích xuống thấp hơn. Một tàu khoảng 37.000 dwt được chốt giao tàu tại Canakkale, đi qua Constanta đến Tekirdag với giá khoảng 11.250 đô la Mỹ/ngày. Tại khu vực Nam Đại Tây Dương và Vịnh châu Mỹ, tâm lý thị trường vẫn ở trạng thái thận trọng khi danh sách tàu trống tiếp tục kéo dài, mang lại thêm lợi thế thương lượng cho người thuê tàu và gây áp lực lên mức doanh thu kỳ vọng. Phản ánh thực tế này, một tàu 36.000 dwt được chốt chở than từ Barranquilla đến Brazil với giá khoảng 17.000 đô la Mỹ/ngày. Tâm lý thị trường trên khắp châu Á vẫn tiêu cực, do nguồn cung tàu sẵn có tăng lên, đặc biệt là ở Đông Nam Á, trong khi nhu cầu hàng hóa lại yếu. Trước thềm các kỳ nghỉ lễ kéo dài, hoạt động thị trường càng suy giảm thêm mặc dù vẫn xuất hiện một vài nhu cầu lẻ tẻ liên quan đến các lô hàng thép.

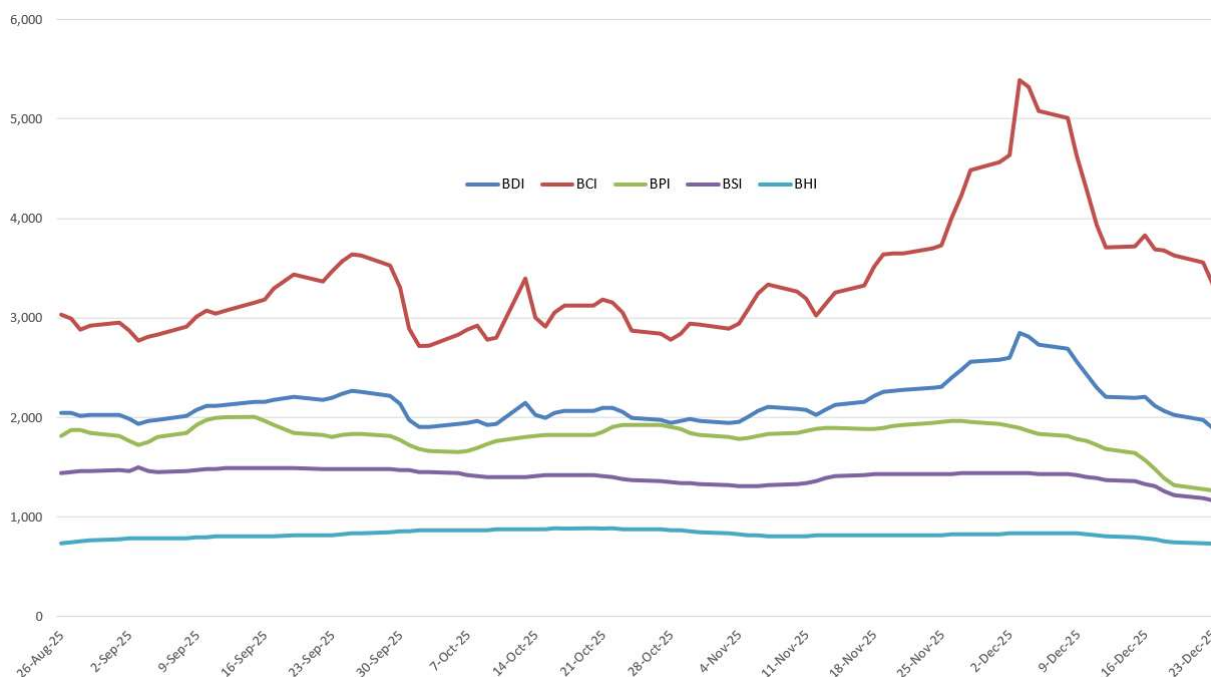
GIÁ THUÊ T/C TRUNG BÌNH TÀU HÀNG KHÔ THAM KHẢO NGÀY 22/12/2025

	US\$/ngày	▼/▲
SUPRAMAX	13.407	▼ 1.892
HANDIES 38K	13.432	▼ 1.050

(so sánh với giá trị ngày 15/12/2025)



CHỈ SỐ THỊ TRƯỜNG TÀU HÀNG KHÔ



3.2. Thị trường thuê tàu dầu/hóa chất:

Tại thời điểm báo cáo giá dầu thô Mỹ WTI giao dịch ở ngưỡng 58,01 đô la Mỹ/thùng – tăng 2,6 % so với phiên giao dịch trước đó, trong khi giá chuẩn Brent dừng lại ở mức 62,07 đô la Mỹ/thùng – tăng 2,7%. Giá dầu tăng trong phiên giao dịch đầu tuần sau khi Lực lượng Tuần duyên Mỹ tìm cách chặn một tàu chở dầu trên vùng biển quốc tế gần Venezuela, trong khi Ukraine gây hư hại cho hai tàu và các cầu cảng tại Nga, làm gia tăng rủi ro gián đoạn nguồn cung dầu. Bên cạnh đó, Trung Quốc mới đây lên án mạnh mẽ việc Mỹ gia tăng áp lực lên Venezuela và việc bắt giữ các tàu chở dầu có liên hệ với Venezuela, cho rằng các hành động đơn phương của Mỹ vi phạm luật quốc tế. Thông tin thêm, Shell và INEOS Energy đã phát hiện dầu tại một giếng thăm dò nước sâu ở Vịnh Mỹ, xác nhận một phát hiện mới trong tầng địa chất Norphlet có áp suất cao.

3.2.1 Phân khúc tàu chở dầu thô

Phân khúc tàu VLCC	Thị trường tàu VLCC tại khu vực Trung Đông ghi nhận sự ảm đạm trong tuần này do các hoạt động giao dịch trên thị trường đang chậm lại. Đơn cử, cước trên tuyến Trung Đông/Trung Quốc được ký kết quanh mức WS 114. Tại khu vực Đại Tây Dương, xu hướng này được ghi nhận tương tự, với cước trên tuyến Tây Phi/Trung Quốc kết thúc ở mức WS 103.		
	Tuyến	Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)	Cước TCE tuần này (đô la Mỹ /ngày)
	Trung Đông/Trung Quốc	123.365	110.068
	USG/Trung Quốc	94.567	82.809

Phân khúc tàu Suezmax	Theo ghi nhận, cước tàu Suezmax tại khu vực Tây Phi vào đầu tuần có phần trì trệ khi người thuê tàu đang duy trì tâm lý chờ đợi và quan sát. Tuy nhiên, cước hồi phục và được ký kết ở mức ổn định hơn khi các lô hàng cuối năm xuất hiện trên thị trường vào giữa tuần. Theo đó, cước trên tuyến Nigeria/UKC được ký kết ở mức WS 145, nhờ lượng tàu dư thừa đã được ký kết một phần. Tại Trung Đông, cước trên tuyến Trung Đông/Med duy trì quanh mức WS 105.			
	Tuyến	Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)	Cước TCE tuần này (đô la Mỹ /ngày)	Xu hướng so với tuần trước
	Tây Phi / Cont	63.748	77.027	↑
	Guyana / UKC	61.440	73.879	↑
Phân khúc tàu Aframax	Tại khu vực Trung Đông, các lô hàng nội địa và các chuyến ngắn xuất hiện nhỏ giọt đã phần nào giảm sức ép lên tâm lý thị trường. Tuy nhiên, cước vẫn đang được đàm phán và ký kết ở mức thấp hơn do nguồn hàng hóa có phần hạn chế. Tại khu vực Địa Trung Hải, ghi nhận cước trên tuyến Ceyhan/Lavera tiếp tục được giữ quanh mức WS 204.			
	Tuyến	Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)	Cước TCE tuần này (đô la Mỹ /ngày)	Xu hướng so với tuần trước
	UKC / UKC	70.104	71.230	↑
	Med / Med	69.852	69.018	↓
	USG / Cont	56.371	63.437	↑
EC Mex / USG	56.610	78.573	↑	

3.2.2 Phân khúc tàu chở dầu thành phẩm/ hóa chất:

Đối với phân khúc **tàu MR-Handy**: Thị trường tàu MR tại khu vực Địa Trung Hải có một tuần sôi động khi cước trên tuyến Med/TA đã chạm đáy sớm chốt ở mức WS 135, sau đó thị trường dần dần ổn định quanh mức này trong suốt cả tuần. Theo đánh giá, số lượng tàu có sẵn hiện khá khan hiếm, ghi nhận cước chở 30.000 tấn tuyến tuyến x-Med đang được giao dịch quanh mức WS 160. Tuy nhiên, các giao dịch trong đầu tháng 1, ghi nhận số lượng tàu có sẵn bắt đầu tăng và người thuê có thể kỳ vọng mức cước thấp hơn trong tuần tới khi các chủ tàu muốn chốt nhanh các đơn hàng trước kỳ nghỉ Giáng Sinh. Tại khu vực Tây Bắc Âu, xu hướng thị trường có phần trầm lắng khi nguồn cung tàu đang có xu hướng tăng cao trong bối cảnh nguồn hàng hóa ít ỏi. Theo ghi nhận, cước trên tuyến Cont/USAC đang được thỏa thuận và ghi nhận quanh mức WS 115. Mức cước chênh lệch so với tuyến Cont/USAC hiện ở mức +20 WS cho các tuyến đi Tây Phi và Brazil. Trong bối cảnh các chủ tàu vẫn ưu tiên tuyến TA, nhưng do mức chênh lệch giá xăng dầu không còn hấp dẫn, khả năng linh hoạt trong việc chọn tuyến của chủ tàu đã được mở rộng, bởi nếu không tàu phải chờ hàng. Đến cuối tuần, còn hai lô hàng chưa được chốt, tâm lý thị trường hiện khá ổn định.

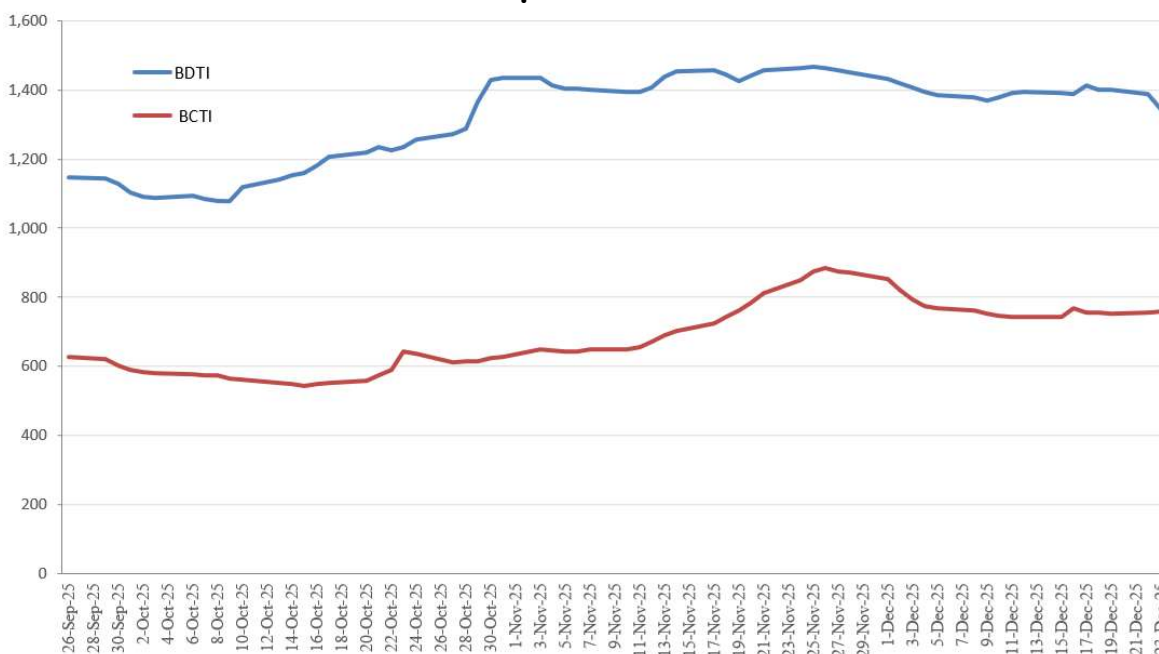
Phân khúc tàu dầu/hóa chất nhỏ: Theo ghi nhận, cước trên tuyến Al Jubali đi Châu Âu đã tăng lên khoảng 4 đô la Mỹ/tấn trong tuần này. Hoạt động đi phía Tây tiếp tục được dẫn dắt bởi các lô hàng theo hợp đồng dài

hạn, phần lớn các tuyến sẽ đi vòng Mũi Hảo Vọng. Tuy nhiên, cũng có một số ít chủ tàu nắm bắt cơ hội sẵn sàng cho các lô hàng lẻ với mức cước cạnh tranh vào khu Địa Trung Hải, đi qua Biển Đỏ. Bên cạnh đó, tuyến Al Jubali đi khu vực phía Đông cước vẫn không có nhiều biến động, mặc dù tình trạng tàu có sẵn vẫn đang thắt chặt. Hơn nữa, tình hình ứ tắc và chậm trễ tại cảng ở WCI đối với tàu chở dầu cộ đã đẩy lịch tàu phải dời sang tháng 1. Theo đánh giá, chưa xuất hiện hoạt động sôi động của thị trường vào các dịp cuối năm như mọi khi từ người thuê tàu. Điều đó dẫn đến số lượng tàu có sẵn vẫn cao với phần lớn tàu dự kiến đi về hướng Đông. Các tuyến về Houston, cước vẫn ổn định trong tuần, nguồn tàu trống vẫn khan hiếm, khi hầu hết các tàu đều đã được ký kết cho tháng 12. Một số đơn hàng lẻ và các lô hàng tháng 1 đang xuất hiện nhưng chủ tàu hiện tại chưa vội ký kết do đang chờ chỉ định hàng hóa theo các hợp đồng dài hạn. Đơn cử, cước cho tuyến Ulsan/Houston giảm 5 đô la Mỹ/tấn trong tuần này. Còn tuyến Argentina/Ấn Độ cho hàng dầu đậu nành cước đã tăng 1 đô la Mỹ/tấn trong tuần, do nguồn cung tàu trong khu vực trở nên khan hiếm

Bảng minh họa giá thuê tàu định hạn cập nhật theo số liệu gần nhất (US\$/ngày):

	Giá thuê tàu định hạn tuần 51/2025			Giá thuê tàu định hạn tuần 50/2025		
	1 NĂM	3 NĂM	5 NĂM	1 NĂM	3 NĂM	5 NĂM
VLCC	60,500	48,500	44,000	61,000	49,000	45,000
SUEZMAX	43,000	34,000	32,000	44,000	35,000	32,000
AFRAMAX	37,500	31,500	28,500	37,000	32,000	28,500
LR-2	37,500	31,000	29,000	36,500	31,500	29,000
LR-1	25,500	22,500	21,000	25,000	22,500	21,000
MR	23,000	21,000	19,000	23,000	21,000	18,500
HANDY	20,000	18,000	17,000	19,500	18,000	17,000

CHỈ SỐ THỊ TRƯỜNG TÀU DẦU



4. THỊ TRƯỜNG TÀU PHÁ DỠ:

GIÁ PHÁ DỠ THAM KHẢO

(dành cho tàu có lt > 5.000)

STT	Giao tại	Tàu hàng rời	Tàu dầu	Tàu container
		US\$ ▼/▲	US\$ ▼/▲	US\$ ▼/▲
1	Pakistan	400	420	430
2	Bangladesh	410	430	440
3	India	380	400	410
4	Turkey	270	280	290

(đơn vị tính: usd/lt ldt. 1 lt = 1.017 mt ldt)

MỘT SỐ TÀU PHÁ DỠ GHI NHẬN TRONG TUẦN 51/2025

Name	Type	Blt year	LDT	Demolition place	Price (US\$/lt)	DWT	Comments
Nica	Tanker	2000	9,852	India	-	99,148	
Makerel	Tanker	2002	8,868	India	-	39,480	
Chang Ming Yang	Bulker	1993	19,529	-	380.00	99,761	As is China
Rui Tiger	Bulker	1995	10,019	-	-	70,136	As is Hong Kong
Gold Origin	Bulker	2005	2,485	-	330.00	8,300	As is Southeast Asia, destination Bangladesh
GNV Antares	Roro	1987	12,652	Turkey	-	6,748	

CÔNG TY MÔI GIỚI TÀU BIỂN TIÊN PHONG

PIONEER SHIPBROKERS

MUA – BÁN – THUÊ TÀU

Email: snp@pioneershipbrokers.com.vn (S&P) | opn@pioneershipbrokers.com (chartering)

Các thông tin trên được chúng tôi tập hợp từ các nguồn thông tin khác nhau và chỉ mang tính tham khảo.

Chúng tôi không chịu trách nhiệm về bất cứ khiếu nại nào liên quan đến tính chính xác của các thông tin trên.